

Số: *11* /QĐ-SCT

Thái Bình, ngày *06* tháng *7* năm 2022

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2022 của Sở Công Thương

### GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 29/8/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi bổ sung Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 06/8/2021 của UBND tỉnh Thái Bình quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương tỉnh Thái Bình;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch-Tài chính-Tổng hợp, Sở Công Thương.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2022 của Sở Công Thương (theo biểu đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

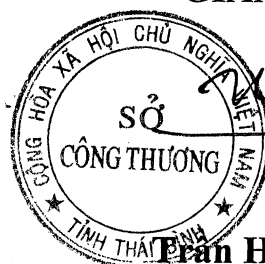
**Điều 3.** Chánh Văn phòng Sở, Trưởng phòng Kế hoạch-Tài chính-Tổng hợp; Trưởng các phòng, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;

- Lưu: VT, KHTCTH.

GIÁM ĐỐC



**Trần Huy Quân**



**KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH  
 6 tháng đầu năm 2022**

(Kèm theo Quyết định số 111/QĐ-SCT ngày 06 / 7 /2022 của Sở Công Thương)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 29/8/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi bổ sung Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Đơn vị tính: Nghìn đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2022	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2022	Ước thực hiện 6 tháng đn 2022/Dự toán năm 2022 (%)	Ước thực hiện 6 tháng đn 2022 so với cùng kỳ năm 2021 (%)
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp NS phí, lệ phí, khác</b>				
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	<b>150.000</b>	<b>77.239,0</b>	<b>51,49</b>	<b>68,45</b>
1	Lệ phí				
2	Phí	150.000			
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>	<b>120.000</b>	<b>51.925,1</b>	<b>43,27</b>	<b>59,25</b>
<b>1</b>	<b>Chi sự nghiệp</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>2</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>120.000</b>	<b>51.925,1</b>	<b>43,27</b>	<b>59,25</b>
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	120.000	51.925,1		
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp NSNN</b>	<b>30.000</b>	<b>25.313,9</b>	<b>84,38</b>	<b>100,4</b>
1	Lệ phí				
2	Phí	30.000			
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>11.461.100</b>	<b>6.419.624,957</b>	<b>56,01</b>	<b>104,99</b>
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	<b>11.461.100</b>	<b>6.419.624,957</b>	<b>56,01</b>	<b>104,99</b>
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>11.461.100</b>	<b>6.419.624,957</b>	<b>56,01</b>	<b>104,99</b>
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	8.135.800	3.916.771,345	48,14	104,15
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	3.325.300	2.502.853,612	75,27	106,34
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
2.1	KP thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
2.2	KP thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				